

QUY TẮC XUẤT XỨ TRONG CÁC FTA VÀ MỨC ĐỘ TẬN DỤNG ƯU ĐÃI CỦA DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

● TRẦN PHƯƠNG TÂM AN

Khoa Pháp luật Kinh tế - Trường Đại học Luật Hà Nội

TÓM TẮT:

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng, các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã mở ra dư địa lớn cho xuất khẩu Việt Nam thông qua ưu đãi thuế quan. Tuy nhiên, để hiện thực hóa những lợi ích này, doanh nghiệp phải đáp ứng các quy tắc xuất xứ, yếu tố quyết định khả năng tiếp cận ưu đãi. Thực tế cho thấy, mức độ tận dụng các ưu đãi từ FTA của doanh nghiệp Việt Nam vẫn chưa tương xứng với tiềm năng. Bài viết tập trung phân tích mối quan hệ giữa quy tắc xuất xứ và mức độ tận dụng ưu đãi của doanh nghiệp xuất khẩu, đồng thời đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao hiệu quả khai thác các FTA trong thời gian tới.

Từ khóa: quy tắc xuất xứ, FTA, ưu đãi thuế quan, xuất khẩu, doanh nghiệp Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, Việt Nam đã đàm phán và ký kết 17 FTA, trong đó có các FTA thế hệ mới như EVFTA, CPTPP, RCEP. Đây là nỗ lực lớn của Chính phủ và các Bộ, ngành nhằm hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp mở rộng quan hệ thương mại với các đối tác trên thế giới, qua đó thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế, tạo điều kiện tiếp cận các ưu đãi thuế quan theo cam kết.

Một trong những nội dung quan trọng nhất của các FTA là lộ trình cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với hàng hóa đủ điều kiện áp dụng. Ưu đãi thuế quan là cơ hội quan trọng để giảm chi phí, hạ giá bán và nâng cao năng lực cạnh tranh tại thị trường nhập khẩu. Các cam kết này chỉ thực sự

chuyển hóa thành lợi ích thực tế khi hàng hóa xuất khẩu đáp ứng được các tiêu chí do hiệp định đặt ra. Trong đó, quy tắc xuất xứ giữ vai trò trung tâm, đây là căn cứ trực tiếp để xác định hàng hóa có được hưởng ưu đãi hay không.

2. Cơ sở lý luận

Trong hệ thống thương mại quốc tế hiện đại, các FTA ngày càng phát triển cả về số lượng và phạm vi điều chỉnh, tạo nên mạng lưới liên kết thương mại ngày càng sâu rộng giữa các quốc gia. Trong bối cảnh đó, quy tắc xuất xứ là một nội dung quan trọng, bởi đây là căn cứ để xác định nguồn gốc quốc gia của hàng hóa. Theo Hiệp định về Quy tắc xuất xứ của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), quy tắc xuất xứ là các luật, quy định và quyết định hành chính có tính áp

dụng chung được sử dụng để xác định quốc gia xuất xứ của hàng hóa. Quy tắc xuất xứ giúp các hiệp định ưu đãi được thực thi chính xác, qua đó hỗ trợ thương mại và khuyến khích đầu tư.

Thương mại tự do cho phép các quốc gia phát huy lợi thế so sánh, qua đó nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực và mở rộng trao đổi thương mại. Việc đàm phán và ký kết các FTA vì thế tạo điều kiện để các quốc gia, trong đó có Việt Nam, mở rộng thị trường xuất khẩu và tiếp cận ưu đãi thuế quan sâu hơn. Tuy nhiên, tận dụng FTA không chỉ đơn thuần là xuất khẩu vào thị trường đã ký kết hiệp định, mà quan trọng hơn là mức độ doanh nghiệp tận dụng ưu đãi thuế quan theo các cam kết của hiệp định.

Mức độ này có thể được phản ánh thông qua một số chỉ báo như: Tỷ lệ sử dụng Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi, tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu được hưởng ưu đãi trên tổng kim ngạch xuất khẩu vào thị trường FTA, số lượng doanh nghiệp tham gia sử dụng ưu đãi và mức độ bao phủ ưu đãi theo ngành hàng hoặc thị trường.

Mức độ tận dụng ưu đãi phụ thuộc vào cả yếu tố chủ quan và khách quan. Về phía doanh nghiệp, đó là năng lực hiểu biết pháp lý, khả năng quản trị sản xuất, quản trị chứng từ và tổ chức chuỗi cung ứng. Về phía bên ngoài, đó là đặc điểm của chuỗi cung ứng, thiết kế của từng FTA và môi trường thể chế hỗ trợ thực thi.

Quy tắc xuất xứ càng phức tạp thì chi phí tuân thủ của doanh nghiệp càng cao, buộc doanh nghiệp phải cân nhắc giữa lợi ích thuế quan kỳ vọng và chi phí bỏ ra để đáp ứng điều kiện. Đồng thời, doanh nghiệp cũng phải điều chỉnh chiến lược nguyên liệu, lựa chọn nhà cung ứng và tổ chức chuỗi cung ứng sao cho phù hợp với yêu cầu xuất xứ.

2. Khung pháp lý về quy tắc xuất xứ

Việt Nam đã xây dựng khung pháp lý nền tảng về xuất xứ hàng hóa với các văn bản quan trọng như Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 8/3/2018 quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa; và Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 3/4/2018 quy định về Xuất xứ hàng hóa. Các khung pháp lý này tạo cơ sở chung để doanh nghiệp

thực hiện, song mức độ hưởng ưu đãi của hàng hóa xuất khẩu vẫn phụ thuộc vào quy định cụ thể của từng FTA.

Trong số các FTA mà Việt Nam đang thực thi, EVFTA, CPTPP và RCEP có ý nghĩa đặc biệt đối với xuất khẩu xét cả về quy mô thị trường, mức độ cam kết thuế quan và tác động của quy tắc xuất xứ đến khả năng tận dụng ưu đãi của doanh nghiệp.

Xét về nội dung, 3 hiệp định này đều sử dụng các công cụ cơ bản của quy tắc xuất xứ như tiêu chí xuất xứ thuần túy, quy tắc cụ thể mặt hàng và cơ chế cộng gộp. Tuy nhiên, giữa chúng vẫn tồn tại những khác biệt đáng kể về mức độ kỹ thuật, phương thức chứng nhận và mức độ thuận lợi đối với doanh nghiệp. Trong đó, EVFTA gắn với thị trường có ưu đãi thuế quan rất hấp dẫn nhưng yêu cầu xuất xứ ở một số nhóm hàng có xu hướng chặt hơn; CPTPP có cơ chế chứng nhận hiện đại hơn và mang chiều sâu kỹ thuật cao; trong khi RCEP nổi bật hơn ở khả năng cộng gộp khu vực và tính tương thích với mạng lưới sản xuất Đông Á. Chính những khác biệt này là một trong những cơ sở quan trọng lý giải sự phân hóa trong mức độ tận dụng ưu đãi giữa các hiệp định.

3. Thực trạng mức độ tận dụng ưu đãi của doanh nghiệp xuất khẩu

3.1. Khái quát thực trạng xuất khẩu và bối cảnh tận dụng FTA

Trong những năm gần đây, xuất khẩu tiếp tục là một trong những động lực quan trọng của tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Theo số liệu của Cục Hải quan (Bộ Tài chính), năm 2025 tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt 930,07 tỷ USD, tăng 18,2% so với năm trước; trong đó, xuất khẩu đạt 475,06 tỷ USD, tăng 17,0% so với năm 2024.

Các thị trường có FTA hiện tiếp tục giữ vai trò ngày càng lớn đối với xuất khẩu Việt Nam. Theo Bộ Công Thương, trong 11 tháng năm 2025, xuất khẩu sang các thị trường thuộc CPTPP tăng trên 22% và chiếm trên 15% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam. Đối với EVFTA, sau 5 năm thực thi, thương mại hai chiều Việt Nam, EU tăng từ 48,9 tỷ USD lên gần 78 tỷ USD, trong đó xuất khẩu sang EU

tăng bình quân 11,7%/năm. Với RCEP, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường trong hiệp định năm 2025 đạt trên 172 tỷ USD, tăng hơn 30% so với năm 2021. Tuy nhiên, sự gia tăng kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường có FTA không đồng nghĩa với việc hàng hóa Việt Nam đã tận dụng được ưu đãi thuế quan ở mức tương ứng.

Theo số liệu của Bộ Công Thương, năm 2024 Việt Nam đã cấp trên 1,8 triệu C/O ưu đãi, tương ứng với giá trị xuất khẩu hơn 100 tỷ USD, tăng 18% về lượng và 28% về giá trị so với năm 2023, chiếm khoảng 28% tổng kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường có FTA. Chỉ số này cho thấy việc sử dụng công cụ xuất xứ ưu đãi của doanh nghiệp Việt Nam đã được cải thiện rõ rệt, nhưng đồng thời cũng phản ánh rằng vẫn còn khoảng cách đáng kể giữa quy mô xuất khẩu sang thị trường FTA và phần kim ngạch thực sự được lượng hóa qua C/O ưu đãi (Bộ Công Thương, 2025).

Đối với EVFTA, số liệu cho thấy mức độ tận dụng ưu đãi có cải thiện khá rõ. Kim ngạch hàng hóa được cấp C/O trong khuôn khổ EVFTA tăng từ 2,66 tỷ USD khi hiệp định mới có hiệu lực lên 18,13 tỷ USD vào cuối năm 2024, tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu có chứng từ chứng nhận xuất xứ tăng từ khoảng 14,8% lên 35,1% trong cùng giai đoạn. Đây là mức tăng đáng kể, dù vẫn còn chênh lệch giữa các ngành hàng.

Đối với CPTPP, sau 6 năm thực thi, tỷ lệ cấp C/O theo hiệp định cũng tăng tích cực. Năm 2019, mới có khoảng 0,7 tỷ USD hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang khối CPTPP được cấp C/O để hưởng ưu đãi, tương ứng khoảng 2%; đến năm 2024, con số này tăng lên khoảng 5 tỷ USD, tương ứng khoảng 8,8%. Mức độ tận dụng cũng có sự phân hóa giữa các thị trường: tại Mexico, tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu có C/O tăng từ khoảng 7% lên 47%; tại Canada, tăng từ khoảng 8% lên 17-18% trong cùng giai đoạn.

Đối với RCEP, số liệu công khai về tỷ lệ sử dụng C/O ưu đãi hiện chưa đầy đủ như EVFTA và CPTPP. Một số thông tin mới chỉ phản ánh theo ngành, chẳng hạn trong lĩnh vực dệt may, năm 2025 kim ngạch xuất khẩu sử dụng C/O form RCEP đạt khoảng 1,66 tỷ USD.

3.2. Thực trạng mức độ tận dụng ưu đãi của doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam

Nhìn tổng thể, mức độ tận dụng ưu đãi FTA của doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam đã có chuyển biến tích cực trong những năm gần đây. Điều này thể hiện qua sự gia tăng của số lượng C/O ưu đãi, giá trị hàng hóa được cấp C/O và tỷ lệ sử dụng trong một số hiệp định chủ chốt. Chẳng hạn, với EVFTA, tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu có chứng từ chứng nhận xuất xứ đã tăng từ khoảng 14,8% lên 35,1%; với CPTPP, kim ngạch hàng hóa được cấp C/O để hưởng ưu đãi tăng từ khoảng 0,7 tỷ USD năm 2019 lên khoảng 5 tỷ USD năm 2024. Những diễn biến này cho thấy, doanh nghiệp Việt Nam đã từng bước thích ứng tốt hơn với yêu cầu của quy tắc xuất xứ và chủ động hơn trong việc khai thác ưu đãi thuế quan.

Tuy nhiên, kết quả trên vẫn chưa tương xứng với tiềm năng của mạng lưới FTA mà Việt Nam đang có. Bộ Công Thương cho biết năm 2024, tổng giá trị hàng hóa được cấp C/O ưu đãi đạt trên 100 tỷ USD, chiếm khoảng 28% tổng kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường có FTA. Con số này cho thấy, phần đáng kể hàng hóa xuất khẩu sang thị trường FTA vẫn chưa được lượng hóa dưới hình thức hưởng ưu đãi thông qua C/O ưu đãi. Nói cách khác, khoảng cách giữa tổng kim ngạch xuất khẩu vào thị trường có FTA và tổng kim ngạch xuất khẩu thực sự tận dụng được ưu đãi FTA vẫn còn khá lớn (Bộ Công Thương, 2025).

Một đặc điểm đáng chú ý khác là mức độ tận dụng ưu đãi có sự phân hóa mạnh giữa các hiệp định và giữa các thị trường trong cùng một hiệp định. Với CPTPP, Bộ Công Thương ghi nhận tỷ lệ sử dụng C/O của Việt Nam tại Mexico đã tăng từ khoảng 7% năm 2019 lên 47% năm 2024, trong khi tại Canada chỉ tăng từ khoảng 8% lên 17% đến 18%. Điều đó cho thấy, khả năng tận dụng ưu đãi không chỉ phụ thuộc vào sự tồn tại của hiệp định, mà còn chịu tác động bởi đặc điểm từng thị trường, mức chênh lệch thuế quan, cơ cấu mặt hàng và mức độ phù hợp của chuỗi cung ứng với quy tắc xuất xứ (Bộ Công Thương, 2025).

Về nguyên nhân, trước hết có thể thấy khó khăn lớn nằm ở năng lực đáp ứng quy tắc xuất xứ của

doanh nghiệp. Bộ Công Thương nhận định, việc đáp ứng điều kiện về xuất xứ tại các FTA vẫn là thách thức đáng kể, nhất là với doanh nghiệp nhỏ và vừa, do yêu cầu cao về chứng từ, truy xuất nguồn nguyên liệu, minh bạch chuỗi sản xuất và hiểu biết pháp lý. Đặc biệt, khi cơ chế tự chứng nhận xuất xứ ngày càng được mở rộng, quyền chủ động tăng lên nhưng trách nhiệm tuân thủ của doanh nghiệp cũng cao hơn đáng kể (Bộ Công Thương, 2025).

Bên cạnh đó, hạn chế về cơ cấu nguồn nguyên liệu và mức độ tham gia vào chuỗi cung ứng khu vực cũng làm giảm khả năng tận dụng ưu đãi. Với EVFTA và CPTPP, nhiều ngành hàng của Việt Nam vẫn gặp khó do phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu ngoài khối, trong khi đó, lợi thế nổi bật của RCEP lại nằm ở cơ chế cộng gộp xuất xứ rộng hơn, cho phép doanh nghiệp linh hoạt hơn trong việc sử dụng nguyên liệu từ các nước thành viên. Điều này cho thấy sự khác biệt trong thiết kế quy tắc xuất xứ giữa các hiệp định là một yếu tố quan trọng giải thích sự khác biệt về mức độ tận dụng ưu đãi.

4. Kết luận và hàm ý chính sách

Từ những phân tích trên có thể thấy, việc nâng cao mức độ tận dụng ưu đãi FTA không chỉ phụ thuộc vào cam kết, mà phụ thuộc quyết định vào khả năng đáp ứng quy tắc xuất xứ của doanh nghiệp. Vì vậy, hoàn thiện cơ chế hỗ trợ thực thi theo hướng dễ tiếp cận, minh bạch và phù hợp với từng nhóm doanh nghiệp cần được coi là ưu tiên xuyên suốt.

Đối với Nhà nước, trọng tâm chính sách nên tập trung vào 3 hướng. Thứ nhất, tiếp tục chuẩn hóa và cập nhật hướng dẫn về quy tắc xuất xứ, nhất là khi các hiệp định như EVFTA và RCEP có điều chỉnh kỹ thuật theo hệ thống HS mới. Thứ hai, đẩy mạnh số hóa thông tin và công cụ tra cứu để doanh nghiệp có thể tiếp cận nhanh quy tắc xuất xứ theo từng hiệp định, từng thị trường và từng mặt hàng. Thứ ba, gắn

hỗ trợ thực thi FTA với phát triển công nghiệp hỗ trợ và nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, bởi đây là điều kiện căn cơ để cải thiện khả năng đáp ứng xuất xứ trong dài hạn.

Đối với hiệp hội ngành hàng, vai trò quan trọng nhất là làm cầu nối giữa cơ quan quản lý và doanh nghiệp. Hiệp hội cần chuyển hóa các quy định pháp lý phức tạp thành hướng dẫn thực hành theo ngành, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp kết nối nguồn cung nguyên liệu phù hợp với quy tắc xuất xứ của từng FTA. Trong bối cảnh mức độ tận dụng ưu đãi có sự phân hóa lớn giữa các thị trường và ngành hàng, cách tiếp cận theo ngành sẽ hiệu quả hơn nhiều so với hỗ trợ dàn trải. Nhận định này cũng phù hợp với định hướng của Bộ Công Thương khi nhấn mạnh cần thiết kế giải pháp tận dụng C/O theo đặc điểm từng ngành và từng hiệp định.

Đối với doanh nghiệp, hàm ý quan trọng nhất là cần coi quy tắc xuất xứ như một nội dung quản trị chiến lược, không chỉ là thủ tục xin C/O. Doanh nghiệp cần chủ động rà soát nguồn nguyên liệu, lựa chọn FTA phù hợp cho từng đơn hàng, đầu tư vào hệ thống quản trị chứng từ và nâng cao năng lực nhân sự phụ trách xuất xứ. Đặc biệt, trong các FTA có cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hoặc mở rộng quyền tự chứng nhận, năng lực tuân thủ và minh bạch chuỗi sản xuất sẽ trở thành yếu tố quyết định.

Cuối cùng, chính sách hỗ trợ không nên áp dụng đồng nhất cho mọi FTA. Với EVFTA và CPTPP, cần ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp ở khía cạnh tuân thủ kỹ thuật và nâng cao năng lực đáp ứng quy tắc xuất xứ; còn với RCEP, cần tận dụng tốt hơn lợi thế cộng gộp khu vực để tổ chức lại chuỗi cung ứng và mở rộng liên kết nguyên liệu trong khối. Chính sự khác biệt này sẽ giúp nâng cao mức độ tận dụng ưu đãi FTA theo hướng thực chất hơn, thay vì chỉ dừng ở việc gia tăng nhận thức chung về hội nhập ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Chính phủ (2018). Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa.

Bộ Công Thương (2018). Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018 quy định về xuất xứ hàng hóa.

Bộ Công Thương (2019). Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22/01/2019 quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định CPTPP.

Bộ Công Thương (2020). Thông tư số 06/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2019/TT-BCT.

Bộ Công Thương (2025). Quy tắc xuất xứ: "Chìa khóa" khai thác hiệu quả EVFTA. <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/quy-tac-xuat-xu-chia-khoa-khai-thac-hieu-qua-evfta.html>.

Bộ Công Thương (2025). Tín hiệu tích cực từ tỷ lệ sử dụng chứng nhận xuất xứ theo EVFTA. <https://moit.gov.vn/media/video/tin-hieu-tich-cuc-tu-ty-le-su-dung-chung-nhan-xuat-xu-theo-evfta.html>

Bộ Công Thương (2025). Giải pháp nâng cao hơn nữa hiệu quả tận dụng ưu đãi từ hiệp định CPTPP. <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/giai-phap-nang-cao-hon-nua-hieu-qua-tan-dung-uu-dai-cptpp.html>.

Bộ Công Thương (2025). Tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa: Trao quyền chủ động cho doanh nghiệp Việt. <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/tu-chung-nhan-xuat-xu-hang-hoa-trao-quyen-chu-dong-cho-doanh-nghiep-viet.html>.

Ngày nhận bài: 10/3/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 25/3/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 15/4/2026

RULES OF ORIGIN IN FREE TRADE AGREEMENTS AND THE UTILIZATION OF PREFERENTIAL TREATMENT BY VIETNAMESE EXPORT ENTERPRISES: CURRENT SITUATION AND POLICY IMPLICATIONS

● **TRAN PHUONG TAM AN**

Faculty of Economic Law, Hanoi Law University

ABSTRACT:

In the context of increasingly deep economic integration, free trade agreements (FTAs) have created significant opportunities for Vietnamese exports through preferential tariff treatment. However, to fully realize these benefits, enterprises must comply with rules of origin, which constitute a decisive condition for accessing such preferences. In practice, the utilization of FTA preferences by Vietnamese enterprises remains below its potential. This study analyzes the relationship between rules of origin and the extent to which exporting enterprises make use of preferential treatment, while offering policy implications to enhance the effectiveness of FTA implementation in the future.

Keywords: rules of origin, FTA, tariff preferences, exports, Vietnamese businesses.